

HK1 - Tuần 4 (Từ ngày : 27/9 – 2/10)

TOÁN 7

ÔN TẬP KTTX ĐẠI SỐ 7 (LẦN 1)

ĐỀ 1

Bài 1: Thực hiện phép tính

$$1/ \frac{7}{5} - \left| 1\frac{2}{3} \right| + \frac{-9}{10}$$

$$2/ 4\frac{1}{3} : \left(\frac{-7}{9} \right) - 0,5 \cdot \left(-\frac{8}{7} \right)$$

$$3/ \left(3 - 2\frac{1}{2} \right) \cdot \frac{8}{9}$$

$$4/ \frac{7}{9} \cdot \frac{11}{3} - \frac{7}{9} \cdot \frac{2}{3}$$

Bài 2: Tìm x

$$1/ -\frac{7}{8} + 3x = 2\frac{1}{4}$$

$$2/ 4 - (x + 2,5) = \frac{1}{2}$$

$$3/ \left| x + \frac{1}{2} \right| + \frac{3}{4} = 2$$

Bài 3: Mẹ cho Vân 30 000 đồng để mua dụng cụ học tập. Vân dùng $\frac{1}{3}$ số tiền đó để mua thước, sau đó dùng $\frac{3}{5}$ số tiền còn lại để mua tập. Hỏi Vân còn lại bao nhiêu tiền ?

ĐỀ 2

Bài 1: Thực hiện phép tính

$$1/ \left| -1\frac{2}{3} \right| + 2,5 - \left(\frac{-1}{4} \right)$$

$$2/ 2,5 \cdot \left(\frac{-4}{3} \right) + \frac{4}{9} : \left(-2\frac{1}{3} \right)$$

$$3/ \frac{-9}{5} : \left(2,6 + 1\frac{1}{2} \right)$$

$$4/ \frac{7}{8} \cdot \left(\frac{-13}{3} \right) + \frac{7}{8} \cdot \left(\frac{5}{3} \right)$$

Bài 2: Tìm x

$$1/ 2,5 - 2 : x = \frac{1}{2}$$

$$2/ (2x - 1) \cdot \frac{2}{3} = \frac{7}{6}$$

$$3/ -1\frac{1}{3} + |x| = \frac{-4}{3}$$

Bài 3: Ở Galaxy Tân Bình, giá vé xem phim áp dụng cho người lớn là 60 000 đồng. Nếu khách hàng là học sinh thì được khuyến mãi giảm giá 25%. Vậy giá vé xem phim của học sinh là bao nhiêu ?

ĐỀ 3

Bài 1: Thực hiện phép tính

$$1/ \left| 2\frac{1}{3} + \frac{9}{4} - \frac{3}{2} \right|$$

$$2/ 3\frac{2}{5} \cdot \frac{5}{2} + \frac{3}{2} : \left(-1\frac{2}{3} \right)$$

$$3/ 3\frac{5}{3} : \left(0,25 - \frac{7}{3} \right)$$

$$4/ \frac{15}{4} \cdot \frac{3}{2} + \frac{3}{2} \cdot \left(-\frac{3}{4} \right)$$

Bài 2: Tìm x

$$1/ x - 2\frac{13}{14} = \frac{5}{7}$$

$$2/ 2\left(x - \frac{1}{3}\right) = 3\frac{3}{4}$$

$$3/ \left|x + \frac{1}{2}\right| = \frac{2}{3}$$

Bài 3: Bạn An có một số kẹo, An cho Minh $\frac{2}{5}$ số kẹo, An còn lại 6 cái kẹo. Hỏi lúc đầu An có tổng cộng bao nhiêu cái kẹo ?

ĐỀ 4

Bài 1: Thực hiện phép tính

$$1/ \frac{2}{3} + \frac{4}{3} : \left(\frac{-4}{9} \right)$$

$$2/ \left(-1\frac{1}{3} \right) : \frac{2}{3} + 2\frac{1}{7} \cdot \frac{7}{2}$$

$$3/ \left(\frac{3}{4} - 0,2 \right) \cdot \left(0,4 - \frac{4}{5} \right)$$

$$4/ \frac{2}{7} + \frac{4}{3} \cdot \frac{2}{7}$$

Bài 2: Tìm x

$$1/ \frac{11}{12} - \left(\frac{2}{5} + x \right) = \frac{2}{3}$$

$$2/ 2\left(\frac{3}{4} + \frac{1}{4} : x\right) = \frac{2}{5}$$

$$3/ \left| \frac{8}{9} - 2x \right| = \frac{1}{3}$$

Bài 3: Nhân dịp khai trương, một siêu thị khuyến mãi mua hàng với tổng số tiền 200 000 đồng trở lên sẽ được giảm 35%. Nếu tổng số tiền em mua hết 1 000 000 đồng thì số tiền em phải trả cho siêu thị là bao nhiêu sau khi được giảm giá ?

HÌNH HỌC:

Bài 5. TIÊN ĐỀ Ô – CLIT VỀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

1. Tiên đề Ô – clit

- Qua một điểm ở ngoài đường thẳng chỉ có một đường thẳng song song với đường thẳng đó.
- VD. Điểm M nằm ngoài đường thẳng a, đường thẳng b đi qua M và song song với a là duy nhất.



2. Tính chất của hai đường thẳng song song

- Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì:

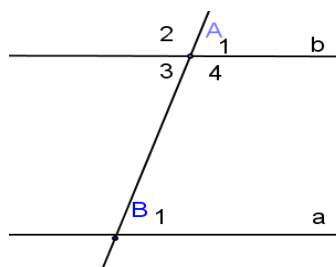
- Hai góc so le trong bằng nhau;
- Hai góc đồng vị bằng nhau;
- Hai góc trong cùng phía bù nhau.

- VD. Ta có $a \parallel b$

$$\Rightarrow \widehat{A_3} = \widehat{B_1} \text{ (hai góc so le trong)}$$

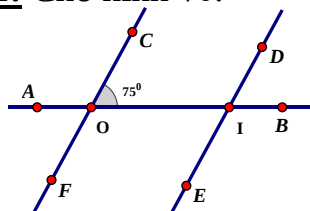
$$\widehat{A_1} = \widehat{B_1} \text{ (hai góc đồng vị)}$$

$$\widehat{A_4} = \widehat{B_1} \text{ (hai góc trong cùng phía)}$$



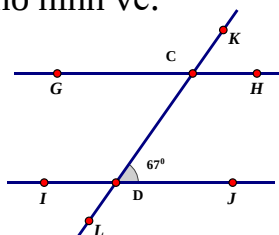
3. Bài tập

Bài 1: Cho hình vẽ:



Biết $DE \parallel CF$ và $\angle COI = 75^\circ$. Tính số đo $\angle OIE$ và $\angle OID$.

Bài 2: Cho hình vẽ:



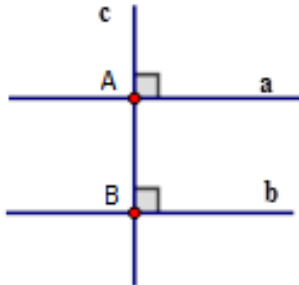
Biết $HG \parallel IJ$ và $\angle CDJ = 67^\circ$. Tính số đo $\angle DCH$ và $\angle KCG$

BÀI 6. TỪ VUÔNG GÓC ĐẾN SONG SONG

1. Quan hệ giữa tính vuông góc với tính song song.

- Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.

VD. Cho hình vẽ. Chứng tỏ: $a // b$

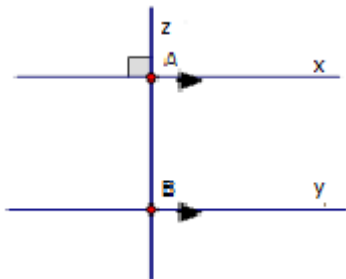


Ta có: $\begin{cases} a \perp c \text{ tại điểm } A \\ b \perp c \text{ tại điểm } B \end{cases}$

$\Rightarrow a // b$.

- Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia.

VD. Cho hình vẽ. Chứng tỏ: $y \perp z$



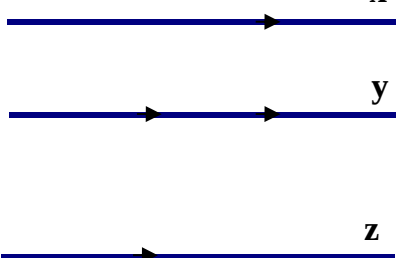
Ta có: $\begin{cases} x // y \\ x \perp z \text{ tại điểm } B \end{cases}$

$\Rightarrow y \perp z$

2. Ba đường thẳng song song.

- Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.

- VD. Cho hình vẽ, có $x // y$; $y // z$. Chứng minh $x // z$



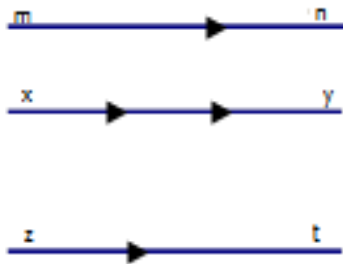
Ta có: $\begin{cases} x // y \\ y // z \end{cases}$
 $\Rightarrow x // z$

3. Bài tập.

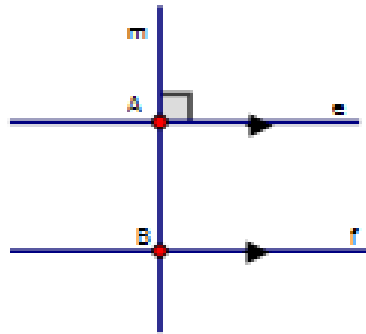
Bài 1: Cho hình vẽ:

a. Cho $mn // xy$; $xy // zt$.

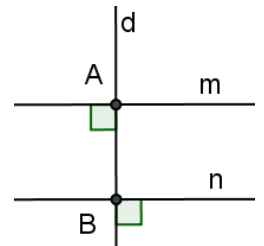
Chứng minh $mn // zt$



b. Chứng tỏ: $m \perp f$



c. chứng tỏ: $m // n$



Bài 2: Cho hình vẽ:

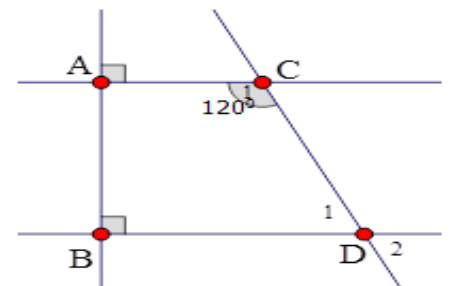
Biết $AC \perp AB$ tại A; $BD \perp AB$ tại B và $C_1 = 120^\circ$.

a) Chứng minh: $AC // BD$.

b) Tính số đo: D_1 và D_2

c) Gọi I là trung điểm của AB. Vẽ đường thẳng m là đường trung trực của đoạn thẳng AB và đường thẳng m cắt đường thẳng CD tại E. Chứng minh: $m // AC // BD$.

d) Qua E vẽ đường thẳng n vuông góc với đường thẳng CD và cắt đường thẳng BD tại F. Tính số đo $\angle IEF$.



Ngữ văn 7

ĐẠI TỪ

I. Thế nào là đại từ

1. Tìm hiểu ví dụ

- a. **Nó** -> trở "em tôi" => CN
- b. **nó** -> trở "con gà" => PN của DT.
(dựa vào ngữ cảnh)
- c. **Thế** -> trở *sự việc* mẹ giục chia đồ chơi => PN của động từ.
- d. **Ai** -> dùng để hỏi => CN

2. **Kết luận** (Ghi nhớ/T55)

II . Các loại đại từ

1. **Đại từ để trở**

Tìm hiểu ví dụ:

- a. Tao, tôi, tớ, nó,...-> Trở người, sự vật (Đại từ xưng hô).
 - b. Bao nhiêu, bấy nhiêu -> Trở số lượng.
 - c. Vậy, thế -> trở hoạt động, tính chất.
- > Kết luận (Ghi nhớ 1/T56)

VD: **Tôi** học rất chăm chỉ.

2. **Đại từ để hỏi**

Tìm hiểu ví dụ :

- a. Ai, gì -> hỏi về người, vật.
 - b. Bao nhiêu, mấy -> Hỏi về số lượng.
 - c. Sao, thế nào -> Hỏi về hoạt động, tính chất.
- > Kết luận (Ghi nhớ 2/T56)

III. Luyện tập

1. Bài tập 1:

- a) Ngôi 1: Số ít: Tao, tôi, ta, mình...

Số nhiều: chúng tôi, chúng ta

Ngôi 2: Số ít: mày, bạn

Số nhiều: chúng mày

Ngôi 3: Số ít: nó, hắn, y.

Số nhiều: chúng nó...

- b) mình 1: ngôi thứ nhất.

mình 2: ngôi thứ 2

Bài tập 2: Ví dụ danh từ được sử dụng như đại từ

- Anh dắt em vào thăm cội Bác xưa.
- Đây là bà ngoại tôi.

- Anh đợi em đi với
- Cháu chào cô ạ !

Bài tập 3: Đặt câu:

- a1- Ai làm nấy chịu.
- b1- Biết làm sao bây giờ.
- a2- Na hát hay đến nỗi ai cũng phải khen.
- b2- Anh nói sao tôi chẳng hiểu gì cả.
- c1- Bao nhiêu tác đất, bấy nhiêu tác vàng.
- c2- Có bao nhiêu bạn thì bấy nhiêu tính tình khác nhau.
- a3- Mỗi chúng ta ai cũng phải cố gắng học tập.
- b3- Qua bao nhiêu cay đắng, cuối cùng người nông dân Việt Nam cũng được hưởng cuộc sống tự do, tự làm chủ cuộc đời mình

Bài tập 4

- Nên xưng là tôi, tớ. Gọi bạn là cậu, bạn.
- Hiện tượng bạn bè gọi nhau trong sinh hoạt: mày, tao thiếu lịch sự. Thể hiện thái độ , không tôn trọng lẫn nhau.
- > Khi giao tiếp cần lựa chọn từ xưng hô cho thích hợp với hoàn cảnh giao tiếp mới có hiệu quả.
- * **Bài tập 5:** Trong tiếng Anh đại từ xưng hô ở ngôi thứ nhất số ít chỉ có duy nhất một từ **I**
- > giá trị biểu cảm không rõ ràng.

Văn bản: SÔNG NÚI NƯỚC NAM

(Nam quốc sơn hà)

- Lí Thường Kiệt-

I. Đọc- tìm hiểu chung

1. Tác giả (SGK/63)

2. Hoàn cảnh ra đời

Ra đời trong cuộc kháng chiến chống giặc Tống xâm lược thời nhà Lí.

3. Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt.

II. Đọc- Hiểu văn bản

1. Hai câu đầu

- Lời tuyên bố về chủ quyền đất nước.
- **Câu 1:** Nước Nam - vua Nam ở.
- > Chủ quyền riêng, triều đại ngang hàng => Tư thế tự chủ.
- **Câu 2:** + Vững vạc sách trời.

+ Chia xứ sở.

-> Chân lí khách quan hiển nhiên.

=> Nhịp thơ 4/3 rắn rỏi, lời lẽ dứt khoát, trang trọng, hai câu thơ đầu khẳng định chủ quyền độc lập và tư thế làm chủ đất nước của dân tộc ta.

2. Hai câu sau

- Lời vắn tắt và cảnh báo đối với hành động phi nghĩa của lũ nghịch tặc:

+ Như hà

+ Nghịch lỗ

+ Thủ bại hư

-> Ý chí, quyết tâm chiến đấu và niềm tin chiến thắng.

=> Nhịp thơ 2/2/3, nhanh, mạnh mẽ, đầy phấn nộ, hai câu thơ cuối khẳng định mạnh mẽ chân lí: Không kẻ thù nào được xâm phạm lãnh thổ Đại Việt, nếu xâm phạm sẽ chuốc lấy thất bại thảm hại.

III. Ghi nhớ (SGK/65)

Văn bản: PHÒ GIÁ VỀ KINH

(Tụng giá hoàn kinh sư)

-Trần Quang Khải-

I. Đọc- Hiểu chú thích

1. Tác giả (SGK/66,67)

2. Hoàn cảnh ra đời

Bài thơ ra đời từ chính khí thế hào hùng của dân tộc trong chiến thắng chống quân Mông - Nguyên xâm lược (1258- 1288).

3. Thể thơ: Ngũ ngôn tứ tuyệt.

II. Đọc – Hiểu văn bản

1. Hai câu đầu - Hào khí chiến thắng

- Liệt kê, đối -> làm nổi bật hai sự kiện lịch sử hào hùng oanh liệt.

+ Chương Dương.

+ Hàm Tử.

-> Hai địa danh của chiến công → biểu tượng sáng ngời của chiến thắng.

+ Đoạt sáo

+ Cầm Hồ

-> Tư thế chủ động, chiến thắng vinh quang.

=> Ẩn chứa lòng yêu nước, niềm tự hào.

2. Hai câu sau

- Khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc.

+ tu trí lực → xây dựng đất nước.

→ non nước bền vững ngàn thu.

⇒ Hai câu thơ là lời động viên xây dựng, phát triển đất nước trong hòa bình đồng thời ẩn chứa niềm tin sắt đá vào sự bền vững muôn thuở của đất nước.

III. Ghi nhớ (SGK/T68)

IV. Luyện tập

Em hãy viết đoạn văn (8-10 câu) nêu suy nghĩ của em về truyền thống yêu nước của dân

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BIỂU CẢM

I. Nhu cầu biểu cảm và văn biểu cảm

1. Nhu cầu biểu cảm của con người

a. Xét ví dụ

- Câu 1: Than thân về sự khổ cực, oan khiên không biết kêu cùng ai.

- Câu 2: Niềm vui, hạnh phúc của cô thôn nữ khi đứng trước cánh đồng trù phú do chính bàn tay lao động của mình làm ra.

-> Muốn khơi gợi sự đồng cảm nơi người đọc.

b. Kết luận: Khi có tình cảm tốt đẹp, chất chứa muốn biểu hiện cho người khác cảm nhận được.

-> nhu cầu biểu cảm .

2. Đặc điểm chung của văn biểu cảm

* Xét ví dụ

- Đoạn 1: Biểu hiện nỗi nhớ -> Gọi tên đối tượng biểu cảm, nói thẳng tình cảm.

-> Trực tiếp .

- Đoạn 2: Biểu hiện tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước -> Miêu tả tiếng hát qua một quá trình, diễn biến.

-> Gián tiếp.

-> Văn biểu cảm thường là những tình cảm đẹp, thấm nhuần tư tưởng nhân văn.

* Kết luận: (SGK/ 73)

II. Ghi nhớ (SGK/ 73)

III. Luyện tập: HS làm BT 1,2,3,4 (SGK/73,74)

Văn bản: BÁNH TRÔI NƯỚC

- Hồ Xuân Hương-

I. Đọc- Hiểu chú thích

1. *Tác giả*: Hồ Xuân Hương (SGK/95)
2. *Tác phẩm*: Là một bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ của Hồ Xuân Hương
3. *Thể thơ*: Thất ngôn tứ tuyệt.

II. Đọc - Hiểu văn bản.

1. Hình ảnh bánh trôi nước

- Thân bánh: màu trắng, viên tròn.
 - Làm bánh: bột cứng -> rắn.
bột nhão -> nát.
 - Luộc bánh: bằng nước sôi, chín -> nổi, sòng -> chìm
 - Nhân bánh: màu đỏ.
- => Phụ thuộc vào người nặn.

2. Phẩm chất, thân phận của người phụ nữ

* Hình thức:

- Trắng, tròn -> xinh đẹp.
- Cặp từ *vừa... vừa* -> Sự hài lòng về bản thân.

* Thân phận:

- *Bảy nổi ba chìm*

-> Thành ngữ -> Sự chìm nổi bấp bênh giữa cuộc đời.

- *rắn nát - kẻ nặn*

-> Số phận phụ thuộc không được quyết định cuộc đời.

* Phẩm chất:

- *Mặc dầu... mà vẫn* -> Khẳng định sự dứt khoát, kiên trì cố gắng đến cùng để giữ tấm lòng son sắt, thủy chung -> Thách thức xã hội phong kiến.

=> Ca ngợi vẻ đẹp, phẩm chất và lòng thương cảm sâu sắc của tác giả đối với người phụ nữ dưới xã hội phong kiến.

III. Ghi nhớ (SGK/95)

IV. Luyện tập

1/ Hướng dẫn HS tìm hiểu bà Sau phút chia li, trích Chinh phụ ngâm khúc của Đặng Trần Côn

2/ Hãy viết đoạn văn (8-10 câu) suy nghĩ của em về thân phận phụ nữ dưới xã hội phong kiến

MÔN ANH VĂN

Unit 2: PERSONAL INFORMATION (CONT.)

NỘI DUNG BÀI HỌC

B. MY BIRTHDAY (B1-2) P.24

*** New words:**

- ordinal number (n) : số thứ tự

-first	1 st	[first]
-second	2 nd	[ˈsekənd]
-third	3 rd	[θə:d]
-fourth	4 th	/fɔ:/
-fifth	5 th	[fɪfθ]
-sixth	6 th	/sɪksθ/
-seventh	7 th	/ˈsevnθ/
-eighth	8 th	/eɪtθ/
-ninth	9 th	/naɪnθ/
-tenth	10 th	/tenθ/
-eleventh	11 th	/iˈlevnθ/
-twelfth	12 th	/twelvθ/
-thirteenth	13 th	/ˈθɜːˈtiːnθ/
-fourteenth	14 th	/fɔːtiːnθ/
-fifteenth	15 th	/ˈfɪfˈtiːnθ/
-sixteenth	16 th	/sɪksˈtiːnθ/

-seventeenth	17 th	/ˈsevnti:nθ/
-eighteenth	18 th	/eitˈti:nθ/
-nineteenth	19 th	/naitˈti:nθ/
-twentieth	20 th	/ˈtwentiθ/
-thirtieth	30 th	/ˈθə:tiθ/

- twenty-first	(21 st)
- twenty-second	(22 nd)
- twenty-third	(23 rd)
- twenty-fourth	(24 th)
- twenty-fifth	(25 th)
- twenty-sixth	(26 th)
- twenty-seventh	(27 th)
-twenty- eighth	(28 th)
- twenty-ninth	(29 th)
- thirtieth	(30 th)
- thirty-first	(31 st)

- invitation card (n) / ɪnvɪ'teɪʃn kɑ:d/ : (thiệp mời)

- invite (v) /ɪn'vaɪt/ : (mời)

- join (v) /dʒɔɪn/ : (tham gia)

= take part in / participate

leave (v) /li:v/ : (rời khỏi)

- imagine (v) /ɪ'mædʒɪn/ : (tưởng tượng, hình dung)

- guest (n) /gest/ : (khách, khách mời)

- hope (v) /həʊp/ : (hy vọng)

3. WRITE THE MONTHS IN ORDER FROM FIRST TO TWELFTH

January	[ˈdʒænjuəri]	Tháng 1
February	[ˈfebruəri]	Tháng 2
March	[mɑ:tʃ]	Tháng 3
April	[ˈeɪprəl]	Tháng 4
May	[meɪ]	Tháng 5
June	[dʒu:n]	Tháng 6
July	[dʒuˈlaɪ]	Tháng 7
August	[ɔːˈɡʌst]	Tháng 8
September	[sepˈtembə]	Tháng 9
October	[ɒkˈtəʊbə]	Tháng 10
November	[nəʊˈvembə]	Tháng 11
December	[diˈsembə]	Tháng 12

Note:

- **Write the date - month**

Ex: September 2nd = the second of September

PHIẾU BÀI TẬP

I. Choose the word whose main stress is different from that of the others

1. A. address B. nervous C. thirty D. telephone
2. A. invite B. directory C. personal D. address
3. A. information B. invitation C. birthday D. engineer
4. A. imagine B. party C. repeat D. September
5. A. inform B. prefer C. number D. tomorrow
6. A. again B. tonight C. movie D. goodbye
7. A. moment B. finish C. after D. about
8. A. April B. people C. unhappy D. theater
9. A. conversation B. worried C. dialogue D. ordinal
10. A. tonight B. homework C. welcome D. housework

II. MULTIPLE CHOICE:

1. I'll call you _____.
A. now B. tomorrow C. at the moment D. at present
2. Which is the _____ apartment?
A. better B. most C. best D. more
3. They are waiting _____ front of the theater.
A. of B. in C. on D. at
4. The picture is _____ the wall.
A. on B. at C. in D. to
5. We _____ in class 7A.
A. is B. am C. are D. be
6. Her birthday is on the _____ Of July.
A. twelve B. twelveth C. twelfth D. twelf
7. Duyen _____ with us to the museum next weekend.
A. won't go B. doesn't will go C. won't goes D. not will go
8. Minh will be eighteen _____ his next birthday.
A. in B. at C. of D. on
9. "_____ will clean the classroom tomorrow?" – "Tu and Manh".
A. What B. Who C. When D. Where
10. I _____ a birthday party on Tuesday, November, 10th.
A. will having B. having C. am having D. be having

III. CLOZE TEXTS

Hello. I am Phuong. I live with (1) _____ parents in Ha Noi. My telephone number is 3520913. I often talk to my friends on the phone. Now I am (2) _____ Hoa to talk to her about Minh's birthday party (3) _____ May 28th. Minh is having his party at home in the evening (4) _____ I want to ask Hoa about what we will (5) _____ and give him at the party. I also want to tell her to wait (6) _____ me at home and I will go there to meet her and then go with her to Minh's house.

- | | | | |
|------------|-----------|------------|------------|
| 1. A. my | B. his | C. her | D. your |
| 2. A. call | B. called | C. calling | D. to call |
| 3. A. on | B. in | C. at | D. of |
| 4. A. but | B. and | C. because | D. so |
| 5. A. buy | B. give | C. have | D. do |
| 6. A. from | B. for | C. with | D. of |

VI. READING COMPREHENSION

Hi! I am Hoa. My family name's Nguyen. I will be 13 next year. I live with my family in a small village in Ha Noi. My parents are workers and they work in a factory. Every day, they go to work early in the morning and come back home late in the afternoon. They go to work by motorbike. My school is not far from my house, about one kilometer so I often go to school on foot. I hope my parents will give me a bike on my next birthday. In my free time, I like reading books and listening to music. Sometimes, I go shopping for my mother. I have an elder sister. She is Lan and she learns at Ha Noi National University.

1. Hoa is at the age of 13 now.
2. Her mother works as a nurse in a local hospital.
3. Her parents ride a motorbike to work.
4. Her parents will give Hoa a doll on her next birthday.

5. The main topic is

- | | |
|-----------------------|------------------------------|
| A. Lan and her family | B. Lan's activities in a day |
| C. Her parents' jobs | D. Her school |

6. The word 'elder' means

- | | | | |
|------------|-----------|----------|-----------|
| A. younger | B. bigger | C. older | D. better |
|------------|-----------|----------|-----------|

V. WORD FORMS: (1.0 pt)

1. At the moment we have very little _____ to go on. (inform)
2. Don't be _____! (lateness)
3. Can I _____ to Vin, please? (speech)

4. I am pleased to _____ you that you have won first prize in this month's competition. (information)
5. What's the date today? – The _____ of April. (one)
6. When's your _____? (birth)
7. I always feel _____ when seeing a dentist. (nerve)
8. Are you _____ about something? (worry)
9. Alex is writing some _____ cards to her party. (invite)
10. I hope you will come and join the _____ (funny)

VI. Transformation

1. Will you come and have dinner with us to night?
→ Would you.....?
2. Will you come to the party with me?
→ Would you.....?
3. Will you visit my hometown next year?
→ Would you.....?
4. Let's visit Hue citadel
→ How about?
5. Let's play some computer games.
→ How about?

MÔN VẬT LÝ

BÀI 4: ĐỊNH LUẬT PHẢN XẠ ÁNH SÁNG

1. Gương phẳng

- Gương phẳng là một phần của mặt phẳng, nhẵn, bóng, có thể soi hình của các vật.
- Hình của một vật quan sát được trong gương phẳng gọi là ảnh của vật tạo bởi gương phẳng.

2. Phản xạ ánh sáng

a) Hiện tượng phản xạ ánh sáng

Hiện tượng phản xạ ánh sáng là hiện tượng ánh sáng bị hắt trở lại khi gặp một bề mặt nhẵn bóng.

b) Định luật phản xạ ánh sáng

Nội dung định luật:

- Tia phản xạ nằm trong mặt phẳng chứa tia tới và đường pháp tuyến của gương tại điểm tới.
- Góc phản xạ bằng góc tới.

CHÚ Ý TÊN GỌI CÁC YẾU TỐ TRONG HÌNH VẼ:

I: Điểm tới

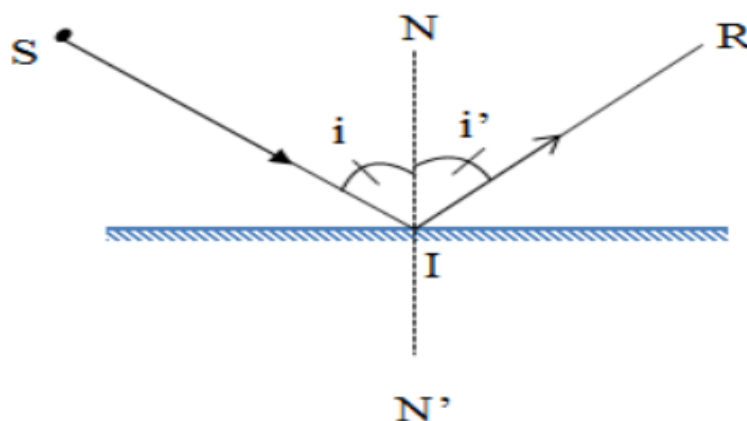
NN': Pháp tuyến

SI: Tia tới

IR: Tia phản xạ

$\widehat{SIN} = i$: Góc tới

$\widehat{NIR} = i'$: Góc phản xạ



HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI SGK

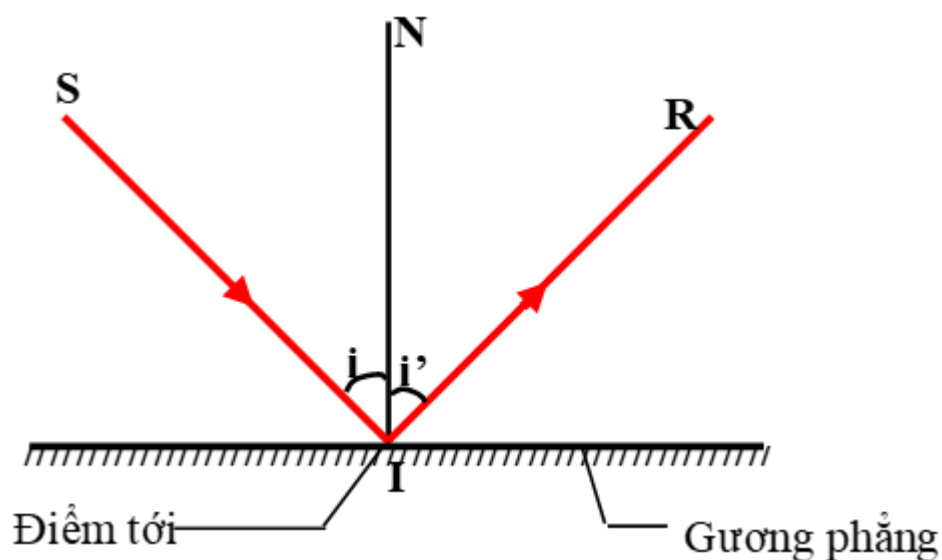
Bài C1 (trang 12 sgk Vật Lý 7): Em hãy chỉ ra một số vật có bề mặt phẳng, nhẵn bóng có thể dùng để soi ảnh của mình như một gương phẳng.

Lời giải:

Mặt nước yên tĩnh, bản kim loại nhẵn bóng v.v...

Bài C2 (trang 13 sgk Vật Lý 7): Cho tia tới SI đi là là trên mặt tờ giấy trắng. Mặt phẳng tờ giấy trắng chứa tia tới SI và đường pháp tuyến IN của mặt gương tại I. Hãy quan sát và cho biết tia phản xạ IR nằm trong mặt phẳng nào?

Lời giải:



* Tia phản xạ IR nằm trong mặt phẳng chứa tia tới và pháp tuyến IN của mặt gương tại điểm tới I.

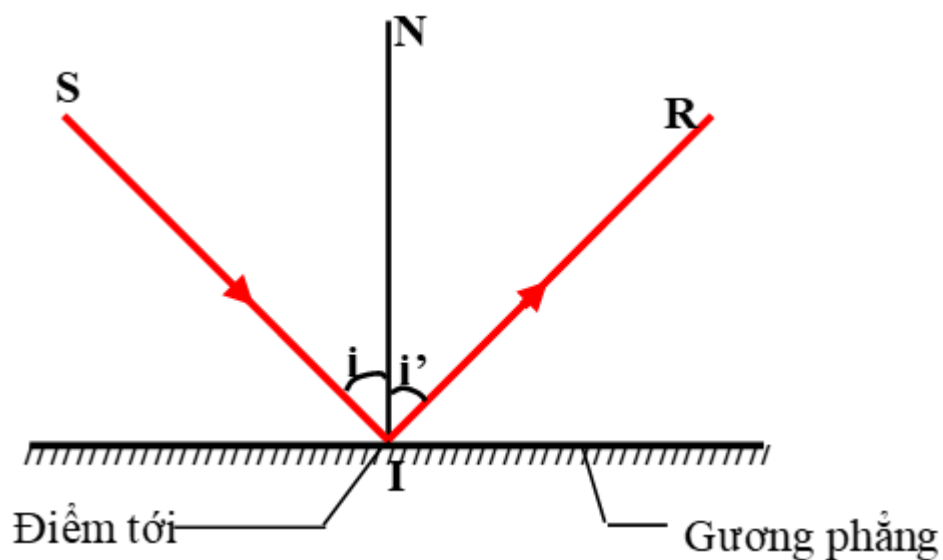
* Kết luận:

+ Tia phản xạ nằm trong cùng mặt phẳng với tia tới SI và đường pháp tuyến IN của mặt gương tại I. Tia phản xạ nằm trong cùng mặt phẳng với tia tới và đường pháp tuyến tại điểm tới.

+ Góc phản xạ luôn luôn bằng góc tới.

Bài C3 (trang 13 sgk Vật Lý 7): Hãy vẽ tia phản xạ IR. (h.4.3)

Lời giải:



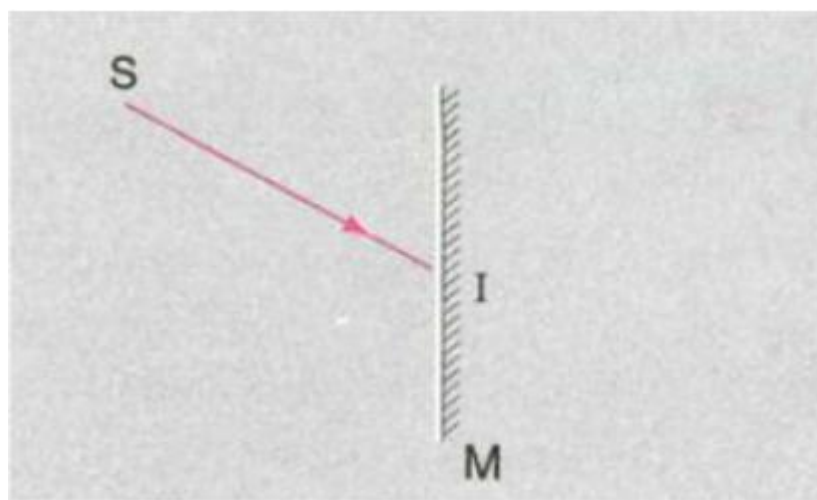
Trong mặt phẳng tới:

- Ta dùng thước đo góc để đo góc tới $\widehat{SIN} = i$

- Từ đó vẽ tia IR khác phía với tia tới SI bờ là pháp tuyến IN sao cho $\widehat{RIN} = i' = \widehat{SIN} = i$

Vậy tia IR là tia phản xạ cần vẽ.

Bài C4 (trang 14 sgk Vật Lý 7): Trên hình 4.4 vẽ một tia tới SI chiếu lên một gương phẳng M.



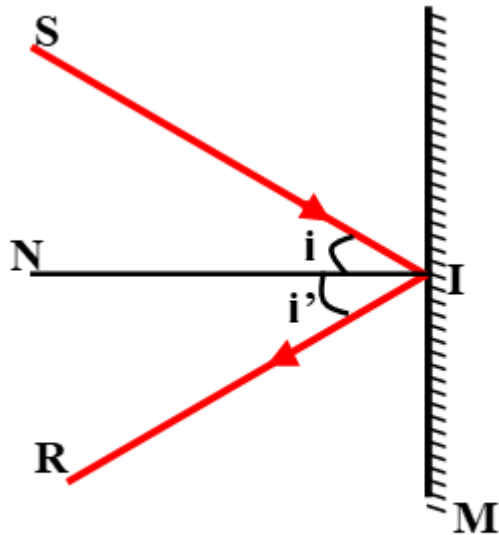
Hình 4.4

a. Hãy vẽ tia phản xạ.

b. Giữ nguyên tia tới SI, muốn thu được một tia phản xạ có hướng thẳng đứng từ dưới lên trên thì phải đặt gương như thế nào? Vẽ hình.

Lời giải:

a. Tia phản xạ được vẽ như hình 4.4a



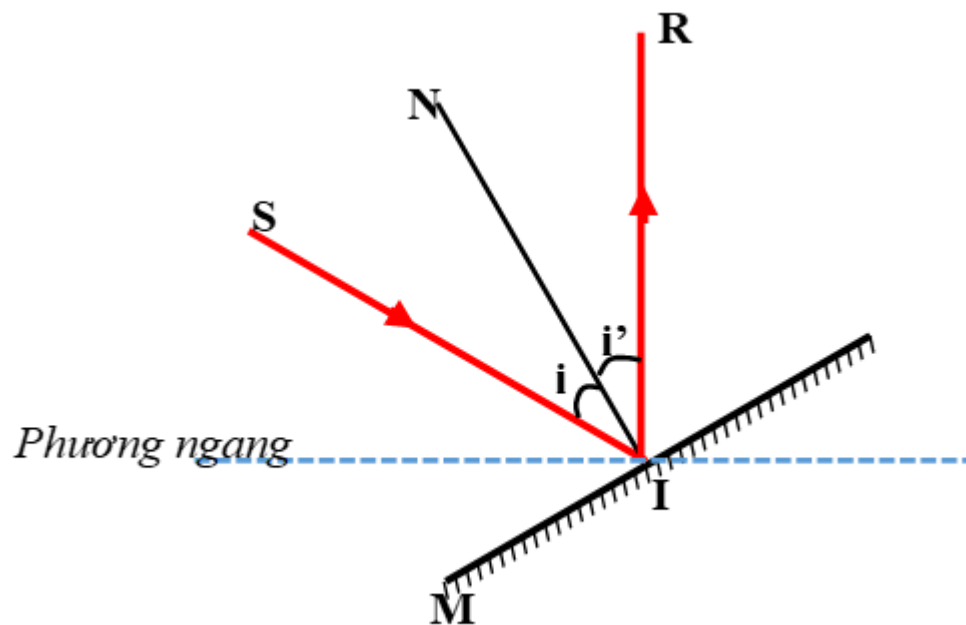
Hình 4.4a

Cách vẽ:

+ Trong mặt phẳng tới chứa tia SI và gương phẳng M, ta dựng pháp tuyến IN vuông góc với gương M tại điểm tới I.

+ Dựng tia phản xạ IR bằng thước đo góc, sao cho $\widehat{RIN} = i' = \widehat{SIN} = i$

b. Vị trí đặt gương như hình 4.4b.



Hình 4.4b

Cách vẽ:

Vì tia phản xạ IR phải có hướng thẳng đứng từ dưới lên theo yêu cầu bài toán nên: + Đầu tiên ta vẽ tia tới SI và tia phản xạ IR như đề bài đã cho.

+ Pháp tuyến IN luôn là tia phân giác của $\widehat{SIR}$, do đó tiếp theo ta vẽ tia phân giác của góc $\widehat{SIR}$.

+ Đường phân giác IN này luôn vuông góc với gương tại điểm tới. Nên ta xác định được vị trí của mặt gương bằng cách quay gương sao cho mặt gương vuông góc với IN. Đây là vị trí gương cần xác định.

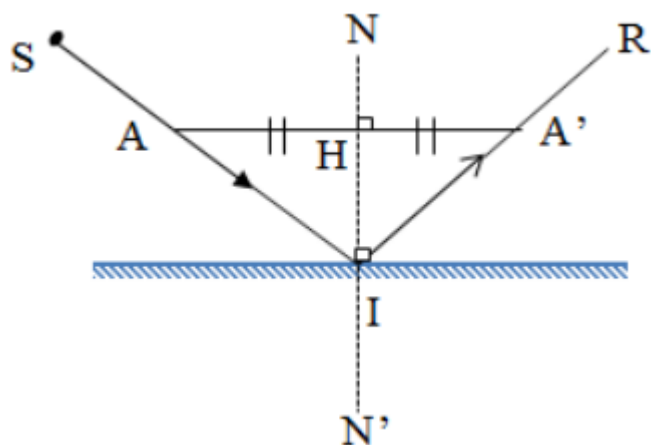
II. PHƯƠNG PHÁP GIẢI

1. Cách vẽ tia tới, phản xạ và cách tính góc phản xạ, góc tới

a) Cách vẽ tia phản xạ khi biết tia tới

Dựa vào định luật phản xạ ánh sáng, ta suy ra được tia phản xạ đối xứng với tia tới qua gương phẳng. Vì vậy để vẽ tia phản xạ khi biết tia tới ta thực hiện các bước như sau:

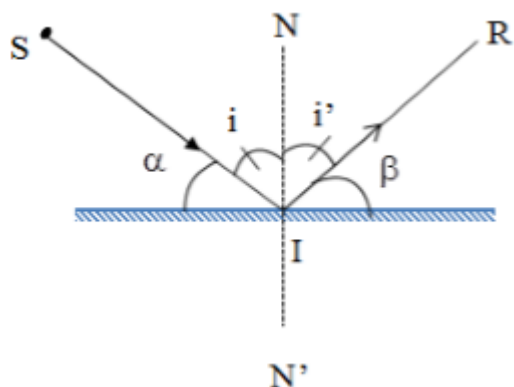
- Vẽ pháp tuyến NN' vuông góc với gương tại điểm tới I
- Lấy một điểm A bất kì trên tia tới SI
- Kẻ đoạn thẳng AA' vuông góc với pháp tuyến NN' tại H sao cho AH = HA'
- Vẽ tia IA'. Tia IA' chính là tia phản xạ cần vẽ.



b) Cách tính góc phản xạ, góc tới

Dựa vào giả thiết của đề bài ta xác định được góc hợp bởi tia tới và tia phản xạ, từ đó ta tính được góc phản xạ và góc tới.

Ví dụ: Cho góc hợp bởi tia tới và gương (góc α). Tính góc tới i và góc phản xạ i' .



Từ hình vẽ ta có: $i + \alpha = 90^0$

$$\Rightarrow i' + \beta = 90^0$$

$$\text{Mà } i' = i \Rightarrow \alpha = \beta$$

$$\Rightarrow i' = i = 90^0 - \alpha$$

* Lưu ý:

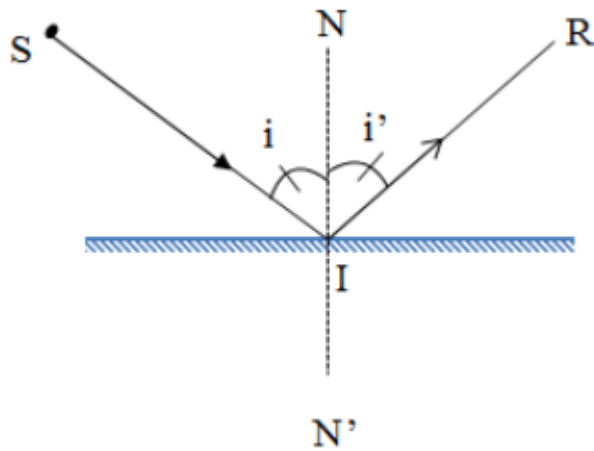
- Nếu tia tới vuông góc với mặt phẳng gương tức

$i' = i = 0^0$ suy ra $\alpha = \beta = 90^0$ thì tia phản xạ có phương trùng với tia tới nhưng có chiều ngược lại.

- Nếu tia tới trùng với mặt phẳng gương tức $i' = i = 90^0$ suy ra $\alpha = \beta = 90^0$ thì tia phản xạ có phương trùng với tia tới và cùng chiều với tia tới.

2. Cách xác định vị trí đặt gương khi đã biết cả tia tới và tia phản xạ

- Xác định điểm tới I: Tia tới và tia phản xạ cắt nhau tại I.
- Xác định góc hợp bởi tia tới và tia phản xạ: $i + i'$
- Xác định pháp tuyến NN': Vẽ đường phân giác NIN' của góc $i + i'$. NN' chính là pháp tuyến.
- Xác định vị trí đặt gương: Từ I kẻ đường thẳng vuông góc với pháp tuyến. Đường thẳng đó chính là vị trí để đặt gương phẳng



MÔN SINH HỌC

CHƯƠNG II: NGÀNH RUỘT KHOANG

BÀI 8: THỦY TỨC

I. HÌNH DẠNG NGOÀI VÀ DI CHUYỂN

- Cơ thể thủy tức hình trụ dài.
- Phần dưới gọi là đế bám vào giá thể.
- Phần trên có lỗ miệng, xung quanh có các tua miệng tỏa ra.
- Cơ thể có đôi xứng tỏa tròn.

II - CẤU TẠO TRONG

Thành cơ thể có 2 lớp tế bào: lớp ngoài và lớp trong. Giữa hai lớp đó là tầng keo móng.

III. DINH DƯỠNG

- Tua miệng thủy tức chứa nhiều tế bào gai có chức năng tự vệ và bắt mồi. Khi đói, thủy tức vươn dài đưa tua miệng quờ quạng khắp xung quanh, tế bào gai ở tua miệng phóng ra làm tê liệt con mồi.
- Thủy tức chưa có cơ quan hô hấp. Sự trao đổi khí được thực hiện qua thành cơ thể.

IV - SINH SẢN

1. Mọc chồi

- Khi đầy đủ thức ăn, thủy tức thường sinh sản vô tính bằng cách mọc chồi.
- Chồi con khi tự kiếm được thức ăn, tách khỏi cơ thể mẹ để sống độc lập.

2. Sinh sản hữu tính

- Tế bào trứng được tinh trùng của thủy tức khác đến thụ tinh. Sau khi thụ tinh, trứng phân cắt nhiều lần, cuối cùng tạo thành thủy tức con. Sinh sản hữu tính thường xảy ra ở mùa lạnh, ít thức ăn.

3. Tái sinh

- Thủy tức có khả năng tái sinh lại cơ thể toàn vẹn chỉ từ một phần cơ thể cắt ra.

BÀI 9: ĐA DẠNG NGÀNH RUỘT KHOANG

I - SỬA

- Cấu tạo: Sứa và thuỷ tức có cấu tạo chung giống nhau, nhưng sứa thích nghi với đời sống di chuyển ở biển.
- Di chuyển: sứa co bóp dù. đẩy nước ra qua lỗ miệng và tiến về phía ngược lại. Tua miệng một số loại sứa gây ngứa, có khi gây bỏng da.
- Dinh dưỡng: Cũng như thuỷ tức, sứa là động vật ăn thịt, bắt mồi bằng tua miệng.

II- HẢI QUỲ

- Cấu tạo: Cơ thể hình trụ, kích thước khoảng từ 2cm đến 5cm, có nhiều tua miệng xếp đối xứng và có màu rực rỡ như cánh hoa.
- Môi trường sống: Chúng sống bám vào bờ đá, ăn động vật nhỏ.

III- SAN HÔ

San hô sống bám, cơ thể hình trụ nhưng khác hải quỳ ở chỗ:

- Khi sinh sản mọc chồi, cơ thể con không tách rời ra mà dính với cơ thể mẹ, tạo nên tập đoàn san hô có khoang ruột thông với nhau.
- Ở tập đoàn san hô hình thành khung xương đá vôi, cơ thể chúng gắn với nhau tạo nên tập đoàn hình khối hay hình cành cây vững chắc, có màu rực rỡ.



MÔN CÔNG NGHỆ

CHỦ ĐỀ 1: ĐẤT TRỒNG (tt)



- I. KHÁI NIỆM VỀ ĐẤT TRỒNG VÀ THÀNH PHẦN CỦA ĐẤT TRỒNG**
- II. MỘT SỐ TÍNH CHẤT CHÍNH CỦA ĐẤT TRỒNG**
- III. THỰC HÀNH**
- IV. BIỆN PHÁP SỬ DỤNG, CẢI TẠO VÀ BẢO VỆ ĐẤT**

1. Vì sao phải sử dụng đất hợp lý

Vì nước ta có tỉ lệ tăng dân số cao => nhu cầu về lương thực, thực phẩm cũng tăng theo, trong khi diện tích đất trồng thì có hạn.

2. Biện pháp cải tạo và bảo vệ đất

Những biện pháp thường dùng để cải tạo và bảo vệ đất:

- + Canh tác
- + Thuỷ lợi
- + Bón phân.

MÔN LỊCH SỬ

Tuần 4-Tiết 7-Bài 6:

CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á

1. Sự hình thành các vương quốc ở Đông Nam Á:

- Trong khoảng 10 thế kỉ đầu CN, hàng loạt các quốc gia nhỏ được hình thành: Cham-pa ở Trung bộ VN, vương quốc Phù Nam ở lưu vực sông Mê Công

2. Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á:

Thời gian	Nội dung
TK X → TK XVIII	Là thời kì thịnh vượng của cá quốc gia phong kiến Đông Nam Á. - Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á: + In-đô-nê-xi-a: vương triều Mô-giô Pa-hít (1213-1527). + Cam Pu Chia: thời kì Ăng co (IX-XV). + Mianma: vương quốc Pa gan (XI). + Thái Lan: vương quốc Su khô thay (XIII). + Lào: vương quốc Lạn Xạng (TK XIV). + Đại Việt (X), Cham Pa (II).
Nửa sau thế kỉ XVIII	- Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á suy yếu,
Giữa thế kỉ XIX	- Trở thành thuộc địa của tư bản phương Tây.

Câu hỏi:

1. Khu vực Đông Nam Á có những điểm chung nào? Kể tên các nước hiện nay?
2. Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á ra đời và phát triển như thế nào?

1. Vương quốc Cam-pu-chia: (Học sinh tự học)

2. Vương quốc Lào (Học sinh tự học)

Tuần 5-Tiết 8-Bài 7:

1. Cơ sở kinh tế - xã hội của chế độ phong kiến:

- Kinh tế khép kín, tự cung tự cấp trong các công xã nông thôn hay lãnh địa:
 - + Sản xuất nông nghiệp là ngành chính;
 - + Kết hợp với chăn nuôi và thủ công.
- Xã hội có 2 giai cấp chính:
 - + Phương Đông là địa chủ và nông dân;
 - + Phương Tây là lãnh chúa và nông nô.
- Địa chủ hay lãnh chúa nắm giữ ruộng đất, giao cho nông dân hay nông nô cày cấy.
- Địa chủ, lãnh chúa bóc lột bằng địa tô.
- Ở phương Tây, thủ công và thương nghiệp phát triển dẫn đến chủ nghĩa tư bản ra đời.

2. Nhà nước phong kiến:

- Phương Đông: chế độ quân chủ chuyên chế.
- Phương Tây: từ chế độ phong kiến phân quyền chuyển sang phong kiến tập quyền.

Câu hỏi:

1. Cơ sở kinh tế, xã hội của xã hội phong kiến có những đặc điểm gì?
2. Nhà nước phong kiến phương Đông và phương Tây có đặc điểm như thế nào?

[illegible]

MÔN ĐỊA LÍ

Tiết 7 - Bài 7

MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI GIÓ MÙA

* **Vị trí:** Nam Á và Đông Nam Á là các khu vực điển hình của môi trường nhiệt đới gió mùa.

1. Khí hậu.

- Nhiệt độ cao trên 20°C
- Lượng mưa trên 1000mm/ năm
- Có 2 đặc điểm nổi bật là :
 - + Nhiệt độ và lượng mưa thay đổi theo mùa gió.
 - . Mùa hạ: nóng ẩm, mưa nhiều.
 - . Mùa đông: khô và lạnh.
- + Thời tiết diễn biến thất thường.

2. Các đặc điểm khác của môi trường.

- Gió mùa có ảnh hưởng lớn tới cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống của con người.
- Nam Á và Đông Nam Á là những khu vực thích hợp cho việc trồng cây lương thực (đặc biệt là cây lúa nước) và cây công nghiệp; đây cũng là những khu vực sớm tập trung đông dân trên Thế giới.

Hết

Bài 10

DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP DÂN SỐ TỚI TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI NÓNG

1. Dân số.

- Gần 50% dân số thế giới tập trung ở đới nóng.
- Dân cư chủ yếu tập trung ở Đông Nam Á, Nam Á, Tây Phi và Đông Nam Braxin
- Dân số tăng quá nhanh bùng nổ dân số -> Tác động tiêu cực tới tài nguyên, môi trường và việc phát triển kinh tế.

2. Sức ép của dân số tới tài nguyên, môi trường.

Dân số tăng quá nhanh Hậu quả :

- Tài nguyên bị khai thác
- Môi trường bị huỷ hoại.
- Chất lượng cuộc sống của người dân thấp.

* Biện pháp:

Việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống người dân ở đới nóng sẽ có tác động tích cực tới tài nguyên và môi trường.

BÀI 11 : Tự Tin (tiết 1)

I. Truyện đọc: Trịnh Hải Hà và chuyến du học Xin-ga-po (HS tự xem)

II. Nội dung bài học:

1. **Khái niệm:** là tin tưởng vào khả năng của bản thân, chủ động trong mọi việc, hành động một cách chắc chắn, không hoang mang dao động, dám nghĩ dám làm.
2. **Biểu hiện**
 - Làm việc cương quyết, không nản chí
 - Không hoang mang, dao động, có định kiến riêng
 - Chủ động, tự tin trong học tập và lao động không dựa dẫm người khác...

*** Trái với tự tin là :**

- **Tự cao, tự đại:** luôn cho mình là nhất, là trên hết, không ai bằng mình, không cần sự hợp tác và giúp đỡ của ai.
- **Tự ti, mặc cảm :** luôn cho mình kém cỏi, yếu đuối, sống thu mình lại.

III. Bài tập

Thực hiện các bài tập SGK

IV. Dặn dò

- Học phần “Nội dung bài học”
- Chuẩn bị Bài 11: Tự tin (tiết 2) Phần ý nghĩa và trách nhiệm của học sinh
- Học bài 1,2,3 và xem lại các bài tập để tuần sau kiểm tra 15 phút

BÀI TẬP

Câu 1: Người tự tin chỉ một mình quyết định công việc, không cần nghe ai, không cần hợp tác với ai. Ý kiến đó đúng hay sai? Vì sao?

Câu 2: Tự tin khác với tự cao, tự đại, tự ti như thế nào?

Câu 3: Trong hoàn cảnh nào con người cần có tính tự tin?

Em đồng ý với những ý kiến nào sau đây?

- 1- Người tự tin là người biết tự giải quyết lấy công việc của mình;*
- 2 – Người tự tin chỉ một mình quyết định công việc, không cần hỏi ý kiến ai;*
- 3- Người tự ti luôn cảm thấy mình nhỏ bé, yếu đuối;*
- 4- Người tự tin không lệ thuộc, dựa dẫm vào người khác;*
- 5- Người tự tin dám tự quyết định và hành động*

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN THỂ DỤC 7 - TUẦN 4

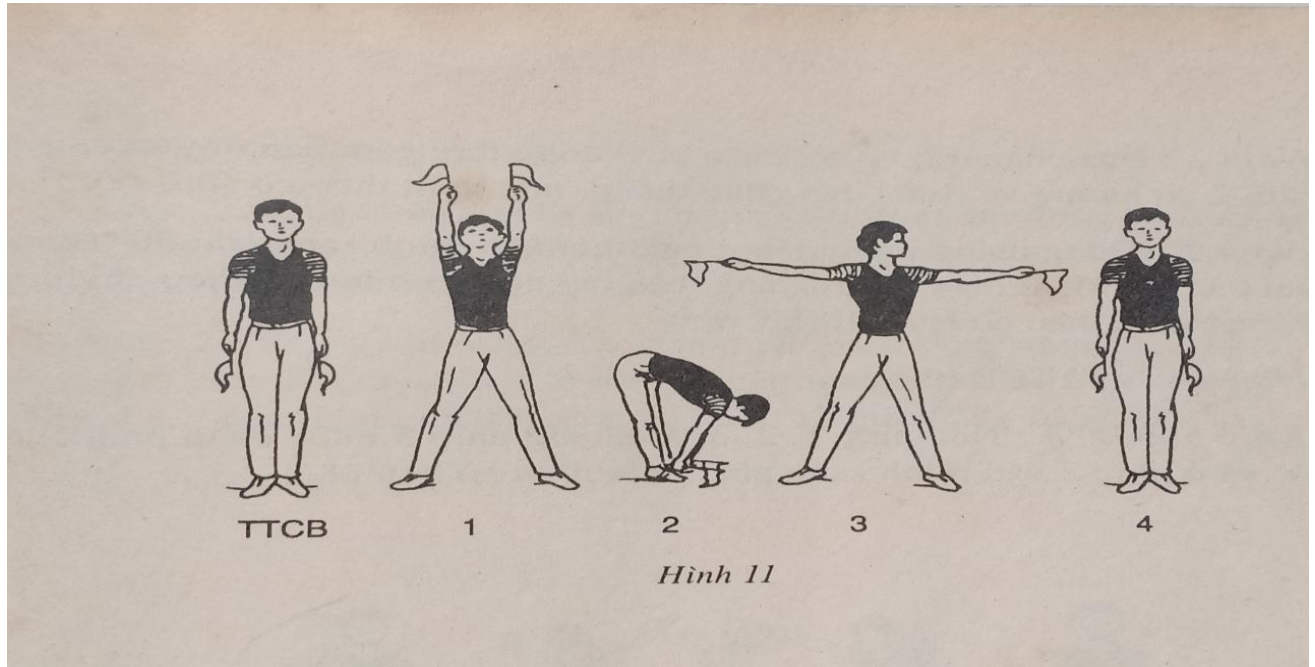
BÀI THỂ DỤC VỚI CỜ

(Hướng dẫn HS tự học)

I. BÀI THỂ DỤC VỚI CỜ:

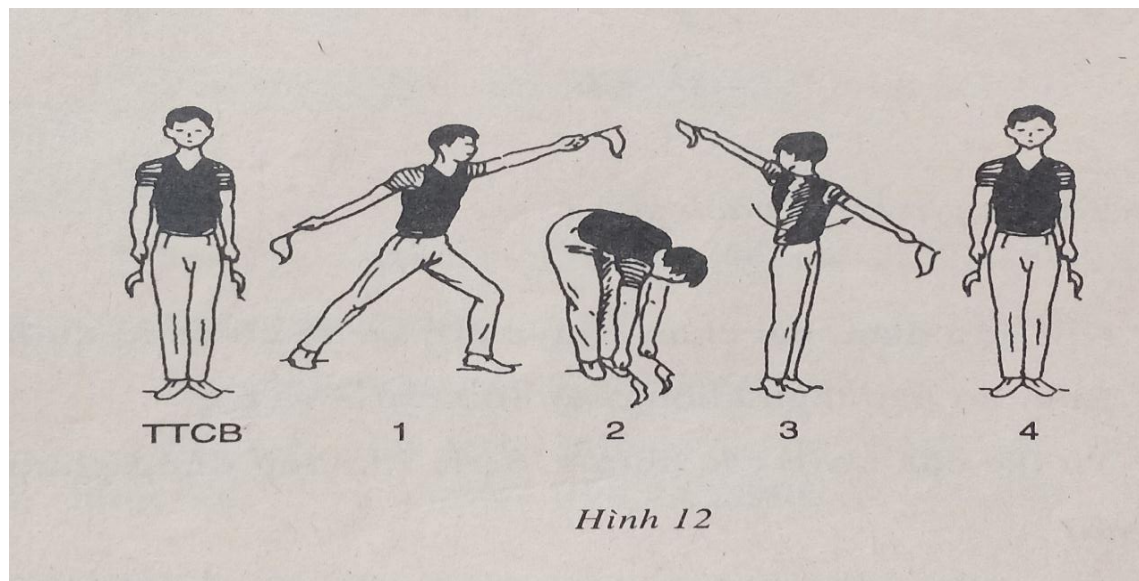
Nếu HS không có cờ có thể tập với 2 que (đũa) hoặc tay không.

1. Động tác bụng: (xem H.11)



- Tư thế chuẩn bị (TTCB): Tư thế đứng cơ bản.
- Nhịp 1: Bước chân trái sang ngang rộng hơn vai, đồng thời đưa 2 tay và cờ ra trước lên cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, mặt ngửa, mắt nhìn theo cờ.
- Nhịp 2: Gập thân, 2 tay chạm 2 bàn chân, cờ hướng trước, 2 chân thẳng, mắt nhìn theo cờ.
- Nhịp 3: Nâng thân, 2 tay dang ngang, bàn tay sấp, cờ hướng sang 2 bên, mắt nhìn theo cờ bên trái.
- Nhịp 4: về TTCB .
- Nhịp 5, 6, 7, 8 như nhịp 1, 2, 3, 4 nhưng nhịp 5 bước chân phải sang ngang, nhịp 7 mắt nhìn cờ sang phải.

2. Động tác phối hợp: xem H.12



- Tư thế chuẩn bị (TTCB): Tư thế đứng cơ bản.
- Nhịp 1: bước trái ra trước 1 bước chéo 45 (theo chiều mũi chân) sau đó khiêu gối, chân sau thẳng, tay trái đưa ra trước (theo hướng bàn chân), chéo lên cao, tay phải đưa ra sau chéo xuống dưới, tạo với cánh tay trước như một cánh tay đòn. 2 bàn chân chạm đất bằng cả bàn chân, trọng tâm dồn nhiều vào chân trước, cò hướng theo chiều của 2 tay, thân trên hơi ngả về trước, mắt nhìn theo cò tay trái.
- Nhịp 2: thu chân chân trái về với chân phải đồng thời gập thân, tay hướng vào bàn chân, 2 cò hướng về trước, 2 chân thẳng, mắt nhìn theo cò.
- Nhịp 3: Đứng thẳng người lên, đồng thời vặn mình sang trái 90, (không quay 2 bàn chân) 2 tay dang ngang, bàn tay ngửa, cò hướng theo chiều của 2 tay, mắt nhìn cò tay trái.
- Nhịp 4: về TTCB.
- Nhịp 5, 6, 7, 8 như nhịp 1, 2, 3, 4 nhưng nhịp 5 bước chân phải chéo về trước, nhịp 7 vặn mình sang phải, mắt nhìn cò tay phải.

II. Tập thể lực: đứng lên ngồi xuống 30 giây làm 3 lần.

MĨ THUẬT 7 TUẦN 4
Vẽ theo mẫu
CÁI ẨM TÍCH VÀ CÁI BÁT

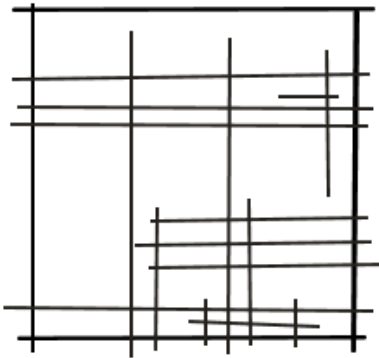
I/ Quan sát nhận xét:

So sánh tỉ lệ

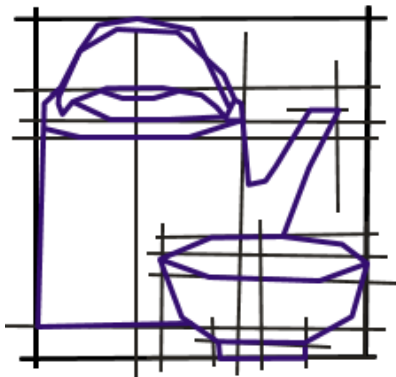
- Chiều cao bát =chiều ngang bát.
- Chiều cao bát=chiều cao ấm.
- Chiều cao miệng ấm =chiều cao thân ấm.
- Chiều cao đế ấm =chiều cao miệng ấm.
- Chiều ngang bát =chiều ngang ấm.
- Chiều ngang đế ấm =chiều ngang miệng ấm.

II. Cách vẽ

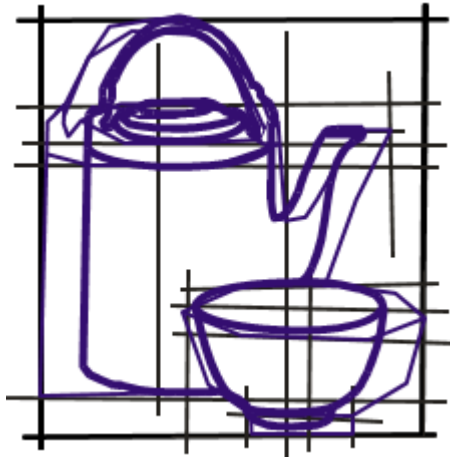
B1: Vẽ khung hình chung và khung hình riêng.



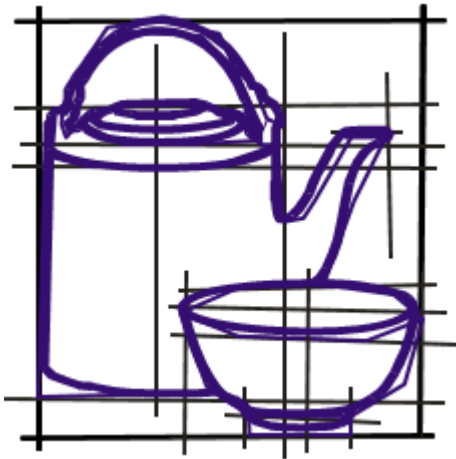
B2: Phác hình bằng các nét thẳng.



B3: Chỉnh sửa hình vẽ bằng các nét cong.



B4: Hoàn thiện bài vẽ.



B5: Vẽ đậm nhạt.



III/ Thực hành:

- Vẽ đậm nhạt cái ấm tích và cái bát

TUẦN 4 (27/9-2/10/2021) MÔN ÂM NHẠC
TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG

TUẦN 4 : HỌC HÁT : LÝ CÂY ĐÀ
DÂN CA QUAN HỌ BẮC NINH

I.Tác giả :

Dân ca quan họ bắc ninh được hình thành khá lâu đời,do cộng đồng người Việt(Kinh) ở 49 làng quan họ và một số làng lân cận thuộc hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang hiện nay của Việt Nam sáng tạo ra.

Dân ca quan họ là hát đối đáp nam,nữ. Họ hát quan họ vào mùa xuân,mùa thu khi có lễ hội hay khi có bạn bè .



II.Học hát :

Lí cây đà

Dân ca quan họ Bắc Ninh

Hơi nhanh

Trèo lên quán dốc ngồi gốc ơ a cây đà rằng tôi
lí ơ a cây đà rằng tôi lời ơ a cây đà. Ai
đem a tình tính tang tình rằng cho đôi mình gặp xem hội cái đêm hôm
rằm rằng tôi lí ơ a cây đà rằng tôi lời ơ a cây đà.

Bài hát chia được làm 4 câu , có độ dài ko bằng nhau , lời ca của câu 2 và 4 đều là :
rằng tôi lý ơ a cây đa , rằng tôi lời
lý ơ a cây đa .

Bài hát được viết ở nhịp : 2/4

Chú ý trong bài : có luyện lách

HS hát đúng giai điệu và lời ca của bài hát và thể hiện đúng những tiếng có luyện
trong bài.

Ý nghĩa bài hát :

-Nội dung:là một bài hát truyền thống miêu tả về hội Lim (Bắc Ninh),qua đó giúp ta
hiểu thêm về truyền thống dân tộc.

- Qua nội dung bài học giúp các em thêm yêu quý những làn điệu dân ca, tự hào với
nền văn hóa của dân tộc, đồng thời hướng các em có ý thức tìm hiểu và hát những
bài hát dân ca

III.Dặn dò :

Tìm thêm lời mới cho bài hát lý cây đa

Học thuộc lòng bài hát lý cây đa

Chuẩn bị trước TĐN số 2

TIN HỌC 7

TUẦN 4 (27/9/2021 ĐẾN 2/10/2021)

Bài 3 : Thực hiện tính toán trên trang tính

1. Sử dụng công thức để tính toán

Phép toán	Toán học	Chương trình bảng tính
Cộng	+	+
Trừ	-	-
Nhân	x	*
Chia	:	/
Lũy thừa	6^2	6^2
Phân trăm	%	%

+ Độ ưu tiên của các phép toán :

- Các phép toán trong cặp dấu ngoặc đơn “(” và “)” → Lũy thừa → nhân (*) và chia (/) → cộng (+) và trừ (-)

2. Nhập công thức

b1. Chọn ô cần nhập công thức

b2. Gõ dấu =

b3. Nhập công thức

b4. Nhấn Enter

- Cách nhập công thức có chứa địa chỉ ô cũng tương tự như việc nhập các công thức thông thường.

3. Sử dụng địa chỉ trong công thức

- Sử dụng công thức chứa địa chỉ thì nội dung các ô liên quan sẽ *tự động được cập nhật* nếu nội dung các ô trong công thức bị thay đổi.